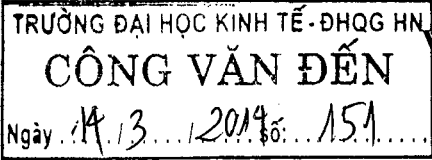


Số: 769 /QĐ-ĐHQGHN

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH



Về việc ban hành chương trình đào tạo tiến sĩ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17/11/2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học ở Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011, được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN, ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về mở mới và điều chỉnh chương trình đào tạo ở Đại học Quốc gia Hà Nội, ban hành theo Quyết định số 1366/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25/04/2012 của Giám đốc ĐHQGHN;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng, mã số: 62 34 02 01.

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng Ban Kế hoạch tài chính, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, ĐT, T5.



Phùng Xuân Nhạ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng

Mã số: 62 34 02 01

(Ban hành theo Quyết định số 769 /QĐ-ĐHQGHN, ngày 13 tháng 3 năm 2014
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Banking - Finance
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 62.34.02.01
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Banking - Finance
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Banking - Finance
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sĩ Tài chính - ngân hàng là những người có kiến thức chuyên sâu về kinh tế tài chính ngân hàng, có phương pháp tư duy khoa học, có khả năng phát hiện, phân tích đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, có khả năng luận giải mới các kiến thức chuyên sâu, hiện đại về tài chính ngân hàng

Tiến sĩ Tài chính - ngân hàng là người có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có khả năng tổ chức, thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, trở thành các chuyên gia cấp cao trong việc phân tích, tư vấn, phản biện và thực thi chính

sách kinh tế, các nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Sau khi hoàn thành chương trình học, tiến sĩ ngành Tài chính - ngân hàng được trang bị phương pháp tư duy khoa học, phương pháp nghiên cứu hiện đại, có khả năng viết và trình bày các báo cáo khoa học một cách chuyên nghiệp, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế tài chính ngân hàng, trên cả cách tiếp cận vi mô và vĩ mô.

Đối với các nhà lãnh đạo doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính tín dụng sẽ được trang bị các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, khả năng áp dụng các kiến thức, phương pháp luận, kỹ năng tư duy khoa học để vận dụng một cách hiệu quả vào các quyết định quản lý tại doanh nghiệp.

Đối với các nhà hoạch định chính sách, chương trình học sẽ cung cấp các kỹ năng, kiến thức dự báo, phân tích, hoạch định, phản biện chính sách để có thể vận dụng hiệu quả trong việc xây dựng và hoạch định chính sách trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

Đối với các nhà nghiên cứu, tư vấn sẽ được trang bị các kỹ năng phản biện, lập luận và tư duy khoa học trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, từ đó, nâng cao năng lực nghiên cứu, tư vấn, phản biện, có khả năng nghiên cứu độc lập hoặc tổ chức nghiên cứu các đề tài, dự án nghiên cứu trong nước và quốc tế

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

3.1.1. Đối tượng từ thạc sĩ: Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

3.1.2. Đối tượng từ cử nhân: Kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

Môn thi Cơ bản: Toán kinh tế

Môn thi Cơ sở: Kinh tế học

Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Về văn bằng và công trình đã công bố:

Đạt một trong các điều kiện sau

Đu

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - ngân hàng hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành Tài chính ngân hàng
- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành kinh tế hoặc phù hợp với chuyên ngành Tài chính - ngân hàng. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Tài chính - ngân hàng loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.
- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành Tài chính - ngân hàng, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.
- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành Tài chính ngân hàng

3.2.1. Điều kiện về thâm niên công tác

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh.

3.3. Danh mục các chuyên ngành chuyên ngành gần: Kinh tế học, Kinh tế chính trị, Kinh tế đầu tư, Kinh tế phát triển, Kinh tế quốc tế, Quản lí kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh thương mại, Quản trị nhân lực, Kế toán - Kiểm toán, Bảo hiểm.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức:

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)

Người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ (Tiếng Anh) sử dụng được kiến thức nói trên trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp.

1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Hiểu và vận dụng tốt các kiến thức cơ bản về kinh tế, tài chính, ngân hàng thông qua các môn học nhóm chuyên ngành quản trị - chuyên sâu về quản trị tài chính, bao gồm: khối kiến thức nâng cao về quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị nhân lực, quản trị tài chính và các định chế tài chính.

1.3. Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Trên cơ sở khối kiến thức chuyên ngành các môn học chuyên ngành được thiết kế giúp người học hiểu và vận dụng tốt các kiến thức chuyên sâu và nâng cao về tài chính ngân hàng, có khả năng tổng hợp, phân tích, luận giải các vấn đề nền tảng về tài chính, ngân hàng, đầu tư. Bên cạnh đó, người học cũng có thể tổng hợp, phân tích và vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu tư như quản trị rủi ro, đầu tư bất động sản, các công cụ phái sinh, các công cụ có thu nhập cố định, sáp nhập và mua lại...

1.4. Kiến thức chuyên đề tiến sĩ

- Vận dụng sáng tạo, tổng hợp, phân tích và đánh giá một số khía cạnh của một vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng được lựa chọn, phù hợp với hướng nghiên cứu của Luận án.

- Chuyên đề tiến sĩ phải thể hiện được quan điểm nghiên cứu độc lập của NCS, cách thức giải quyết vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, tính mới của vấn đề nghiên cứu hay cách giải quyết vấn đề nghiên cứu.

1.5. Yêu cầu đối với luận án

- Nghiên cứu, sáng tạo và đưa ra được một vấn đề nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng chưa được công bố trước đó.

- Luận án phải thể hiện được tính logic giữa các phương pháp nghiên cứu của NCS với các kết quả nghiên cứu, tính mới của kết quả nghiên cứu, đóng góp của NCS về lí luận thực tiễn.

Yêu cầu về số lượng và chất lượng của các công trình khoa học sẽ công bố:

- Cần có ít nhất 2 bài báo khoa học trên tạp chí chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng. Bài báo phải thể hiện được tính mới trong kết quả nghiên cứu và có nội dung phù hợp với chủ đề nghiên cứu của Luận án.

- Nghiên cứu sinh được khuyến khích tham gia seminar, hội thảo khoa học trong nước và quốc tế về chủ đề liên quan đến chủ đề nghiên cứu của Luận án.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

- Nâng cao kĩ năng tư duy lí luận, phân tích và tổng hợp của nghiên cứu sinh;

- Hoàn thiện năng lực phát hiện và xử lí các vấn đề tài chính – ngân hàng nảy sinh về lí thuyết và đặc biệt trong hoạt động thực tiễn của ngành tài chính ngân hàng để có thể có những đóng góp mới vào việc bổ sung, phát triển lí luận về tài chính ngân

hàng. Bên cạnh đó, giúp cho nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập và sáng tạo, có năng lực tổ chức và thực hiện các hoạt động khoa học và thực tiễn trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

- Phân tích, đánh giá và dự báo có luận cứ khoa học về những thay đổi của thị trường tài chính, tiền tệ cũng như môi trường hoạt động kinh doanh của các định chế tài chính.

- Khả năng làm việc và nghiên cứu độc lập và làm việc theo nhóm.

- Sáng tạo và ứng dụng các lí luận, phát huy các kinh nghiệm của bản thân trong việc phân tích và xử lí các tình huống nghiên cứu và thực tiễn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.

2.2. Kỹ năng mềm

- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lí hoạt động nghiên cứu.

- Có kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.

- Có kỹ năng giao tiếp tốt, giao tiếp được bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn với trình độ tối thiểu tương đương Chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu.

- Biết phác thảo mô hình, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm như SPSS, Eviews hoặc STATA...

3. Những vị trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

3.1. Các vị trí

- Nhóm 1: Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực tài chính ngân hàng làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học.

- Nhóm 2: Chuyên gia tài chính - ngân hàng cao cấp làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (như ngân hàng thương mại, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán, doanh nghiệp...).

- Nhóm 3: Chuyên gia hoạch định chính sách, cơ quan quản lí nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng (Bộ tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ủy ban chứng khoán, Tổng cục thuế, Hải quan, Kho bạc...).

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

- Sau khi tốt nghiệp, nghiên cứu sinh có thể làm việc độc lập hoặc nhóm với tư cách là chuyên gia có trình độ cao.



- Hoàn thiện các phẩm chất của nhà khoa học liên quan đến hoạt động nghiên cứu, tổ chức và quản lí.

- Quyết đoán và tự chịu trách nhiệm trong công việc nghiên cứu
- Trung thực, cần cù và kiên nhẫn trong nghiên cứu
- Tư duy toàn cục, hành động cụ thể

4. Về phẩm chất đạo đức

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Biết chủ động sáng tạo tìm tòi cách tiếp cận mới trong xử lí tình huống; biết lắng nghe, phân tích và phản biện theo cách tiếp cận mới, riêng có.

- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

- Hiểu và vận dụng được tính chuyên nghiệp cao trong công việc; dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc dựa trên các phân tích khoa học.

4.2. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Hiểu được trách nhiệm xã hội cao; biết chủ động đề xuất các giải pháp mới khoa học để xử lí các tình huống kinh tế xã hội phát sinh.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 92 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 25 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ

• Bắt buộc: 8 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 100 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 8 tín chỉ
 - Bắt buộc: 6 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 22 tín chỉ
 - + Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
 - + Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.3. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 129 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức bổ sung: 37 tín chỉ
 - + Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ
 - + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: 11 tín chỉ
 - Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - Tự chọn: 3 tín chỉ
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 19 tín chỉ
 - Bắt buộc: 12 tín chỉ
 - Tự chọn: 7 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 22 tín chỉ
 - + Các học phần tiến sĩ: 10 tín chỉ
 - Bắt buộc: 8 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
 - + Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

Shu

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I.1	Các học phần tiến sĩ		10				
I.1.1	Các học phần bắt buộc		8				
1	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methodology</i>	2	20	10	0	
2	FIB 8001	Thống kê kinh tế nâng cao <i>Advance Economic Statistic</i>	2	20	10	0	
3	FIB 8002	Lí thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu <i>Advance Monetary and Banking Theory</i>	2	20	10	0	
4	FIB 8003	Lí thuyết Tài chính chuyên sâu <i>Advance Finance Theory</i>	2	20	10	0	
I.1.2	Các học phần tự chọn		2/6				
5	FIB 8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính <i>Governance of Financial Institutions</i>	2	20	10	0	
6	FIB 8008	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính <i>Marketing management in financial institutions</i>	2	20	10	0	
7	FIB 8009	Tài chính dự báo <i>Financial Engineering</i>	2	20	10	0	
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
8	FIB 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao <i>Advance English academic purposes</i>	4	0	0	60	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
9	FIB 8004	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional seminar 1</i>	2	0	0	30	
10	FIB 8005	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional seminar 2</i>	2	0	0	30	
11	FIB 8006	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional seminar 3</i>	2	0	0	30	
I.4	Tiểu luận tổng quan		2				
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (<i>NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn</i>)						
III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
12	FIB 9001	Luận án tiến sĩ <i>PHD Thesis</i>	70				
Tổng cộng			92				

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Học phần bắt buộc		6				
1	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lí thuyết và thực tiễn <i>Monetary, banking and financial market – theory and practices</i>	3	30	15	0	
2	FIB 6003	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Advance corporate finance</i>	3	30	15	0	
I.2	Học phần tự chọn		2/6				
3	FIB 6012	Phân tích đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment Analysis</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
4	FIB 6013	Ngân hàng quốc tế <i>International Banking</i>	2	20	10	0	
5	FIB 6014	Các công cụ phái sinh <i>Derivatives</i>	2	20	10	0	
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiên sĩ		10				
II.1.1	Các học phần bắt buộc		8				
6	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methodology</i>	2	20	10	0	
7	FIB 8001	Thống kê kinh tế nâng cao <i>Advance Economic Statistic</i>	2	20	10	0	
8	FIB 8002	Lí thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu <i>Advance theory in monetary and banking</i>	2	20	10	0	
9	FIB 8003	Lí thuyết Tài chính chuyên sâu <i>Advance Finance Theory</i>	2	20	10	0	
II.1.2	Các học phần tự chọn		2/6				
10	FIB 8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính <i>Governance of Financial Institutions</i>	2	20	10	0	
11	FIB 8008	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính <i>Marketing management in financial institutions</i>	2	20	10	0	
12	FIB 8009	Tài chính dự báo <i>Financial Engineering</i>	2	20	10	0	
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
13	FIB 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao <i>Advance English academic purposes</i>	4	0	0	60	
II.3	Các chuyên đề tiên sĩ		6				
14	FIB 8004	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional Seminar 1</i>	2	0	0	30	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
15	FIB 8005	<i>Chuyên đề tự chọn 2 Optional Seminar 2</i>	2	0	0	30	
16	FIB 8006	<i>Chuyên đề tự chọn 3 Optional Seminar 3</i>	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
17	FIB 9001	Luận án tiến sĩ <i>PHD Thesis</i>	70				
Tổng cộng			100				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Khối kiến thức chung		7				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	3	30	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for general purposes</i>	4	60	0	0	
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		11				
I.2.1	Các học phần bắt buộc		8				
3	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật <i>English for academic purposes</i>	3	30	15	0	ENG5001
4	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
5	BSA 6004	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Managerial Management</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.2.2	Các học phần tự chọn		3/6				
6	BSA 6105	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing Management</i>	3	30	15	0	
7	BSA 6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resource Management</i>	3	30	15	0	
I.3	Khối kiến thức chuyên ngành		19				
I.3.1	Các học phần bắt buộc		12				
8	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lí thuyết và thực tiễn <i>Monetary, banking and financial market – theory and practices</i>	3	30	15	0	
9	FIB 6002	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	
10	FIB 6003	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Advance corporate finance</i>	3	30	15	0	
11	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	
I.3.2	Các học phần tự chọn		7/31				
12	FIB 6005	Các công cụ có thu nhập cố định <i>Fixed Income Instruments</i>	3	30	15	0	
13	FIB 6006	Các phương pháp định lượng dùng trong quản trị tài chính <i>Quantitative Methods for Financial Management</i>	3	30	15	0	
14	FIB 6007	Kế toán tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Accounting</i>	3	30	15	0	
15	FIB 6008	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Managerial Accounting</i>	3	30	15	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
16	FIB 6009	Quản trị rủi ro trong các định chế tài chính <i>Risk Management in Financial Institutions</i>	3	30	15	0	
17	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>International Corporate Finance</i>	2	20	10	0	
18	FIB 6011	Phân tích tài chính <i>Financial Analysis</i>	3	30	15	0	
19	FIB 6012	Phân tích đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment Analysis</i>	2	20	10	0	
20	FIB 6013	Ngân hàng quốc tế <i>International Banking</i>	2	20	10	0	
21	FIB 6014	Các công cụ phái sinh <i>Derivatives</i>	2	20	10	0	
22	FIB 6015	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao <i>Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions</i>	2	20	10	0	
23	FIB 6016	Kinh tế học quản lí <i>Managerial Economics</i>	3	30	15	0	
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiến sĩ		8				
II.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
24	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng <i>Quantitative research methodology</i>	2	20	10	0	
25	FIB 8001	Thống kê kinh tế nâng cao <i>Advance Economic Statistic</i>	2	20	10	0	
26	FIB 8002	Lí thuyết Tiền tệ Ngân hàng chuyên sâu <i>Advance Monetary and Banking Theory</i>	2	20	10	0	
27	FIB 8003	Lí thuyết Tài chính chuyên sâu <i>Advance Finance Theory</i>	2	20	10	0	

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.1.2	Các học phần tự chọn		2/6				
28	FIB 8007	Quản trị công ty trong các tổ chức tài chính <i>Governance of Financial Institutions</i>	2	20	10	0	
29	FIB 8008	Quản trị Marketing trong các tổ chức tài chính <i>Marketing management in financial institutions</i>	2	20	10	0	
30	FIB 8009	Tài chính dự báo <i>Financial Engineering</i>	2	20	10	0	
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao		4				
31	FIB 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao <i>Advance English academic purposes</i>	4	0	0	60	
II.3	Các chuyên đề tiên sĩ		6				
32	FIB 8004	Chuyên đề tự chọn 1 <i>Optional seminar 1</i>	2	0	0	30	
33	FIB 8005	Chuyên đề tự chọn 2 <i>Optional seminar 2</i>	2	0	0	30	
34	FIB 8006	Chuyên đề tự chọn 3 <i>Optional seminar 3</i>	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIÊN SĨ						
35	FIB 9001	Luận án tiến sĩ <i>PHD Thesis</i>	70				
		Tổng cộng	129				